HATAPHAR

Số: 269 /TTr-DHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 đã được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây;

Thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và Nghị quyết Hội đồng quản trị về việc lựa chọn Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Định giá Việt Nam là Công ty kiểm toán thực hiện công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Kiểm toán và Định giá Việt Nam như sau: Báo cáo tài chính năm 2023 (kèm theo).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 chấp thuận thông qua./.

Nơi nhận:
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Đại hội đồng cổ đông thường niên;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

M.S.D.N: 0500497400 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY Q. HÀ ĐÔNG - TP. HÀ NỘI

DS. Lê Văn Lớ

Số: 2702.01-24/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2024

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các cổ đông**
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty"), *được lập ngày 23/02/2024, từ trang 06 đến trang 45,* bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

M.S.D.N: 0101202228 - C.T.N.H.H. KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM - Q. CẦU GIẤY - TP. HÀ NỘI

Trần Quốc Tuấn
Tổng giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0148-2023-034-1

Phạm Thị Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
A -	**TÀI SẢN NGẮN HẠN**	**100**		**959.941.796.648**	**967.874.917.124**
I.	**Tiền và các khoản tương đương tiền**	**110**	**V.1.**	**282.314.872.903**	**79.785.928.673**
1.	Tiền	111		242.314.872.903	79.785.928.673
2.	Các khoản tương đương tiền	112		40.000.000.000	-
II.	**Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	**120**		**80.000.000.000**	**53.000.000.000**
1	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2.	80.000.000.000	53.000.000.000
III.	**Các khoản phải thu ngắn hạn**	**130**		**231.084.824.500**	**356.030.396.929**
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3.	90.642.824.505	105.152.505.009
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	135.505.393.509	246.971.544.118
3.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5.	8.710.286.826	8.566.217.810
4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6.	(3.773.680.340)	(4.659.870.008)
IV.	**Hàng tồn kho**	**140**	**V.7.**	**352.166.041.431**	**442.357.432.473**
1.	Hàng tồn kho	141		354.127.091.182	444.318.482.224
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(1.961.049.751)	(1.961.049.751)
V.	**Tài sản ngắn hạn khác**	**150**		**14.376.057.814**	**36.701.159.049**
1.	Thuế GTGT được khấu trừ	152		13.699.258.993	36.358.683.844
2.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.14.	676.798.821	342.475.205
B -	**TÀI SẢN DÀI HẠN**	**200**		**823.536.968.851**	**461.854.073.621**
I.	**Các khoản phải thu dài hạn**	**210**		-	-
II.	**Tài sản cố định**	**220**		**142.235.703.045**	**130.762.206.266**
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.9.	140.859.043.045	129.168.879.610
	- Nguyên giá	*222*		*343.141.306.440*	*318.894.142.528*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*223*		*(202.282.263.395)*	*(189.725.262.918)*
2.	Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	1.376.660.000	1.593.326.656
	- Nguyên giá	*228*		*2.026.660.000*	*2.026.660.000*
	- Giá trị hao mòn lũy kế	*229*		*(650.000.000)*	*(433.333.344)*
III.	**Tài sản dở dang dài hạn**	**240**		**632.898.120.518**	**301.451.382.709**
1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.8.	632.898.120.518	301.451.382.709
IV.	**Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	**250**	**V.2.**	**45.893.525.000**	**25.893.525.000**
1.	Đầu tư vào công ty con	251		22.743.525.000	22.743.525.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		3.150.000.000	3.150.000.000
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		20.000.000.000	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		2.509.620.288	3.746.959.646
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11.	2.509.620.288	3.746.959.646
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	**270**		**1.783.478.765.499**	**1.429.728.990.745**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
C -	**NỢ PHẢI TRẢ**	**300**		**751.103.918.530**	**656.987.348.668**
I.	**Nợ ngắn hạn**	**310**		**576.454.028.471**	**549.938.184.011**
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	131.427.016.572	186.807.322.452
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	96.998.559.297	104.747.646.283
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14.	4.238.080.556	8.297.805.848
4.	Phải trả người lao động	314		5.956.901.922	10.363.858.649
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15.	130.878.418	131.734.539
6.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16.	1.008.026.128	785.257.670
7.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17.	180.222.524	502.811.969
8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	333.482.635.213	234.630.350.760
9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		3.031.707.841	3.671.395.841
II.	**Nợ dài hạn**	**330**		**174.649.890.059**	**107.049.164.657**
1.	Phải trả dài hạn khác	337	V.17.	4.432.100.000	4.836.000.000
2.	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	170.217.790.059	102.213.164.657
D -	**VỐN CHỦ SỞ HỮU**	**400**		**1.032.374.846.969**	**772.741.642.077**
I.	**Vốn chủ sở hữu**	**410**	**V.19.**	**1.032.374.846.969**	**772.741.642.077**
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		823.417.730.000	264.088.280.000
-	*Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*	*411a*		*823.417.730.000*	*264.088.280.000*
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		96.320.000.000	314.934.410.617
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	414		24.375.893.101	118.103.316.430
4.	Cổ phiếu quỹ	415		(15.130.000)	(15.130.000)
5.	Quỹ đầu tư phát triển	418		8.963.148.976	8.963.148.976
6.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		79.313.204.892	66.667.616.054
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước*	*421a*		-	-
-	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay*	*421b*		*79.313.204.892*	*66.667.616.054*
II.	**Nguồn kinh phí và quỹ khác**	**430**		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 =300+400)	**440**		**1.783.478.765.499**	**1.429.728.990.745**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Xuân Thắng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 45 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng này)

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Đơn vị tính: VND

	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
1	**Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**01**	**VI.1**	**1.916.119.198.902**	**1.766.403.796.807**
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.295.659.587	74.898.746
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)**	**10**	**VI.3**	**1.914.823.539.315**	**1.766.328.898.061**
4	Giá vốn hàng bán	11	VI.4	1.726.886.293.254	1.592.279.656.689
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 =10-11)**	**20**		**187.937.246.061**	**174.049.241.372**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.5	21.266.954.839	27.809.765.029
7	Chi phí tài chính	22	VI.6	23.728.465.642	16.409.441.792
	Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*20.099.340.372*	*14.303.549.138*
8	Chi phí bán hàng	24	VI.9	27.084.518.886	23.611.608.588
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.9	71.371.240.062	55.382.408.640
10	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))**	30		87.019.976.310	**106.455.547.381**
11	Thu nhập khác	31	VI.7	11.832.176.579	9.620.546.028
12	Chi phí khác	32	VI.8	267.889.701	333.475.220
13	**Lợi nhuận khác (40=31-32)**	40		**11.564.286.878**	**9.287.070.808**
14	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)**	50		**98.584.263.188**	**115.742.618.189**
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11	19.271.058.296	22.667.687.135
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)**	60		**79.313.204.892**	**93.074.931.054**

Hà Nội, ngày 23 tháng 02 năm 2024

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập	Kế toán trưởng	Tổng Giám đốc
Hoàng Thành	Hoàng Văn Tuế	Lê Xuân Thắng